

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 46/2001/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 4 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH

Về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 – 2005

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 57/1998/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, gia công và đại lý mua bán hàng hoá với nước ngoài;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 1. Hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu

- Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu thời kỳ 2001 - 2005 (Phụ lục số 01).
- Việc điều chỉnh Danh mục hàng hoá cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại.
- Trong trường hợp đặc biệt, việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc Danh mục tại Phụ lục số 01 nêu trên phải được Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định từng trường hợp cụ thể.

Điều 2. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại

- Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại thời kỳ 2001 - 2005 (Phụ lục số 02).

2. Bộ Thương mại chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan cụ thể hoá Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại theo mã số của danh mục Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu (nếu có).

3. Việc điều chỉnh Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại, bao gồm cả lộ trình bãi bỏ loại giấy phép này, do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại.

4. Việc ký hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này chỉ được thực hiện sau khi đã có giấy phép của Bộ Thương mại. Đối với hàng hóa là vật tư, nguyên liệu quy định tại Phụ lục số 02, nếu nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu hoặc để thực hiện hợp đồng gia công với thương nhân nước ngoài thì thực hiện theo quy định riêng của Bộ Thương mại.

5. Việc nhập khẩu của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các bên hợp doanh trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, kể cả hàng hoá nêu tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này, được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thương mại trên cơ sở những quy định tại Quyết định này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

6. Căn cứ lịch trình loại bỏ dần giấy phép của Bộ Thương mại trong thời kỳ 2001 - 2005 tại Phụ lục số 02 kèm theo Quyết định này, giao Bộ Tài chính phối hợp với Ban Vật giá Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan, trình Thủ tướng Chính phủ việc điều chỉnh thuế suất thuế nhập khẩu (hoặc mức thu chênh lệch giá) một cách hợp lý đối với những mặt hàng được loại bỏ khỏi Danh mục hàng hoá nhập khẩu theo giấy phép của Bộ Thương mại, có tính đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

Điều 3. Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành

1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành và nguyên tắc áp dụng Danh mục này trong từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành (Phụ lục số 03).

2. Việc điều chỉnh, bổ sung Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành và nguyên tắc áp dụng (đã quy định tại Phụ lục số 03) do Thủ

tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng cơ quan quản lý chuyên ngành và Bộ trưởng Bộ Thương mại.

3. Các Bộ, ngành quản lý chuyên ngành hướng dẫn thực hiện việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá quy định tại Phụ lục số 03 nêu trên

Chương II

QUY ĐỊNH RIÊNG ĐỐI VỚI MỘT SỐ HÀNG HOÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

Điều 4. Xuất nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ

1. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ:

a) Bãi bỏ việc phê duyệt và phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên để sản xuất sản phẩm gỗ xuất khẩu. Mọi dạng sản phẩm gỗ đều được phép xuất khẩu, trừ gỗ tròn, gỗ xẻ khai thác từ rừng tự nhiên trong nước.

b) Gỗ có nguồn gốc nhập khẩu được phép xuất khẩu dưới mọi dạng sản phẩm, kể cả việc tái xuất gỗ tròn, gỗ xẻ.

Gỗ tròn, gỗ xẻ nhập khẩu và sản phẩm làm từ gỗ nhập khẩu khi xuất khẩu không phải chịu thuế xuất khẩu.

c) Nhà nước khuyến khích xuất khẩu các loại sản phẩm gỗ có hàm lượng gia công, chế biến cao. Bộ Tài chính hoàn thiện chính sách thuế để khuyến khích sản xuất và xuất khẩu sản phẩm gỗ loại này.

d) Trên cơ sở chỉ tiêu khai thác gỗ rừng tự nhiên từng khu vực đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hàng năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp với ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (có chỉ tiêu khai thác) chỉ đạo ngành kiểm lâm kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác gỗ ngay tại địa phương.

Việc kiểm tra nguồn gốc gỗ đối với sản phẩm gỗ tiêu dùng trong nước và xuất khẩu (sản xuất từ gỗ rừng tự nhiên trong nước) phải được thực hiện ngay tại cơ sở sản xuất theo đúng quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; không kiểm tra nguồn gốc gỗ đối với sản phẩm gỗ xuất khẩu khi làm thủ tục xuất khẩu. Riêng việc xuất khẩu gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc gỗ nhập khẩu và gỗ rừng trồng, phải xuất

trình tại Hải quan cửa khẩu hồ sơ hợp lệ về nguồn gốc gỗ theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Hải quan.

2. Việc nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các nước có chung đường biên phải thực hiện theo các quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Thương mại.

3. Căn cứ nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, doanh nghiệp tiến hành làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập - tái xuất và tái xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ tại Hải quan cửa khẩu.

Điều 5. Xuất khẩu hàng dệt, may vào những thị trường theo hạn ngạch phải thoả thuận với nước ngoài

1. Căn cứ yêu cầu sản xuất trong nước, căn cứ các thoả thuận đa phương và song phương của Chính phủ về hàng dệt, may hàng năm, Bộ Thương mại chủ trì cùng các Bộ, ngành hữu quan và các nhà sản xuất lớn của Việt Nam tiến hành đàm phán với các Tổ chức kinh tế quốc tế và các nước, nhằm đẩy nhanh tiến trình bỏ hạn ngạch đối với loại hàng hoá này.

2. Trên cơ sở thoả thuận hàng năm với các Tổ chức kinh tế quốc tế, các nước về hạn ngạch và các điều kiện xuất khẩu hàng dệt, may, Bộ Thương mại chủ trì cùng các Bộ, ngành hữu quan xây dựng và ban hành các quy định chung thực hiện hạn ngạch hàng dệt, may; công bố tỷ lệ hạn ngạch hàng dệt, may đấu thầu, tỷ lệ này phải tăng hàng năm để thay thế dần cho cơ chế phân giao hạn ngạch, có tính đến các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

3. Việc phân giao hạn ngạch hàng dệt, may (trừ phần hạn ngạch đấu thầu và hạn ngạch thường xuất khẩu) cho các doanh nghiệp thuộc thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hải Phòng và thành phố Đà Nẵng do ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định chung. Bộ Thương mại thực hiện việc phân giao hạn ngạch hàng dệt, may cho các doanh nghiệp khác.

Điều 6. Xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón

1. Bãi bỏ cơ chế giao hạn ngạch xuất khẩu gạo, nhập khẩu phân bón và việc quy định doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xuất, nhập khẩu hai mặt hàng này.